TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18. 04. 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp BB, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị T và anh G kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Hòa ngày 28/02/2005. Chung sống hạnh phúc được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh G thường hay uống rượu về nhà chửi mắng, đánh đập vợ con, chị T cố gắng chịu đựng và chị đã bỏ nhà đi nhiều lần để anh G sửa đổi. Sau đó, anh G có năn nỉ chị trở về chung sống, nhưng không bao lâu

thì anh G chứng nào tật nấy, vì không chịu đựng được nên vào tháng 09/2022 chị và anh G ly thân nhau đến nay.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 26/12/2004; Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013, hiện nay các con chung đều ở chung với chị.

- Về tài sản: Chị và anh G không tranh chấp tài sản chung.

- Về nợ: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013; còn Nguyễn Văn P, sinh ngày 26/12/2004 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu xem xét; chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt không có lời trình bày:*

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh G; về con chung: Giao Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013; còn Nguyễn Văn P, sinh ngày 26/12/2004 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu xem xét, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự vắng mặt nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ngày 13/01/2023 chị T nộp đơn xin giải quyết vắng mặt, ngày 12/5/2022; ngày

19/01/2023 và ngày 07/02/2023 Tòa án đến nơi cư trú của anh G để tiến hành lấy lời khai, nhưng anh G đều không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh G được, ngày 08/03/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hoãn phiên tòa lần thứ nhất do anh G vắng mặt không lý do, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh G nhưng anh G vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn G chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Thuận Hòa nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi nhau chị T đã bỏ nhà đi nhiều lần nhằm để cho anh G sửa đổi những khuyết điểm trong đời sống vợ chồng nhưng anh G không sửa đổi được dẫn đến chị T và anh G đã ly thân nhau từ tháng 09/2022 đến nay. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 07/02/2023, cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh G thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G thường xuyên uống rượu nên xảy ra cự cãi.

Xét thấy giữa chị T và anh G đã ly thân nhau từ tháng 09/2022 đến nay, hai người không có biện pháp hàn gắn. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh G không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị của Kiểm sát viên. Cho chị T được ly hôn với anh G.

[3] Về quan hệ con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013; Nguyễn Văn P, sinh ngày 26/12/2004, hiện nay 02 người con chung đều sống chung với chị T. Xét thấy cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 26/12/2004 đã đủ thành niên tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét, tại đơn xin trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013 và biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2023 đối với cháu H thì cháu H đều có nguyện vọng được sống chung với chị T. Xét thấy mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị T là đảm bảo cho việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T. Giao con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Đào Thị T xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/02/2013 cho chị Đào Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Đào Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Đào Thị T xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Đào Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0000991 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn G biết, chị T và anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới